

# **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐỒ CHƠI TRÍ TUỆ VÀ KỸ NĂNG CHƠI**

## **CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

### **1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐỒ CHƠI TRÍ TUỆ VÀ KỸ NĂNG CHƠI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CHOI SKILL AND INTELLIGENCE TOYS DEVELOPMENTAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CHOI.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109763056

**3. Ngày thành lập:** 05/10/2021

### **4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 107, ngõ 318 La Thành, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0968 676 792

Fax:

Email: [choi.edutoys@gmail.com](mailto:choi.edutoys@gmail.com)

Website:

### **5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>                                                                                                                                                                                             | <b>Mã ngành</b> |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1.         | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                     | 1629            |
| 2.         | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                                                             | 1709            |
| 3.         | Sản xuất đồ chơi, trò chơi<br>(Trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)                                                                | 3240(Chính)     |
| 4.         | Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su                                                                                                                                                          | 2211            |
| 5.         | Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí                                                                                                                                                                      | 3012            |
| 6.         | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                         | 3290            |
| 7.         | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi | 4649            |
| 8.         | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)                 | 4764            |
| 9.         | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                               | 8299            |
| 10.        | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                      | 1623            |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ trò chơi trực tuyến<br>(Điều 33, Nghị định 72/2013/NĐ-CP;<br>Khoản 29 Điều 1 Nghị định 27/2018/NĐ – CP)                                                                                                                                                                                                                              | 6312 |
| 12. | Xuất bản phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5820 |
| 13. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310 |
| 14. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7320 |
| 15. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230 |
| 16. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4690 |
| 17. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4791 |
| 18. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm( gia sư);<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy đọc nhanh;<br>- Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe;<br>- Đào tạo về sự sống;<br>- Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng;<br>- Dạy máy tính | 8559 |
| 19. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>+ Tư vấn giáo dục,<br>+ Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục,<br>+ Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục,<br>+ Dịch vụ kiểm tra giáo dục,<br>+ Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.<br>(Trừ các dịch vụ nhà nước cấm)                                                                                                    | 8560 |
| 20. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 9321 |
| 21. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề) - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; | 9329 |
| 22. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8551 |
| 23. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8552 |
| 24. | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8511 |

|     |                              |      |
|-----|------------------------------|------|
| 25. | Giáo dục mẫu giáo            | 8512 |
| 26. | Giáo dục tiểu học            | 8521 |
| 27. | Giáo dục trung học cơ sở     | 8522 |
| 28. | Giáo dục trung học phổ thông | 8523 |
| 29. | Đào tạo sơ cấp               | 8531 |
| 30. | Đào tạo trung cấp            | 8532 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                                             | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                    | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN ĐÀO<br>TẠO TẬP<br>TRUNG VÀ<br>PHÁT TRIỂN<br>NGÔN NGỮ | Số 107, Tổ 99,<br>phố Hào Nam,<br>Phường Ô Chợ<br>Dừa, Quận Đống<br>Đa, Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 70.000        | 700.000.000              | 70,000       | 0107500037                                                                                                             |            |
|     |                                                                         |                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                         |                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                         |                                                                                                       | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                         |                                                                                                       | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                         |                                                                                                       | Tổng số                            | 70.000        | 700.000.000              | 70,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                         |                                                                                                       |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                   |                                                                                                                          |                                    |        |             |        |                  |  |
|---|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|--|
| 2 | TRẦN THỊ<br>LƯƠNG | Thôn Ngọc Động,<br>Phường Hoàng<br>Đông, Thị xã Duy<br>Tiên, Tỉnh Hà<br>Nam, Việt Nam                                    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 | 0351940024<br>45 |  |
|   |                   |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                                                          | Tổng số                            | 20.000 | 200.000.000 | 20,000 |                  |  |
|   |                   |                                                                                                                          |                                    |        |             |        |                  |  |
| 3 | BÙI PHƯƠNG<br>ANH | Căn hộ chung cư<br>số 305, Nhà G1,<br>Khu 7,2 ha,<br>Phường Vĩnh<br>Phúc, Quận Ba<br>Đình, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 | 0311920038<br>10 |  |
|   |                   |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                   |                                                                                                                          | Tổng số                            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |                  |  |
|   |                   |                                                                                                                          |                                    |        |             |        |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN PHỤC THIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/08/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001092022429

Ngày cấp: 15/03/2019

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH

Địa chỉ thường trú: Số 107, Tổ 99 Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 107, Tổ 99 Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội